

BẠN ĐỌC CẢM NHẬN VỀ BÀI THƠ 'QUÊ NGHÈO' CỦA ĐẶNG XUÂN XUYẾN

QUÊ NGHÈO

Quê tôi nghèo lắm
Vẫn lác đác nhà tranh
Vẫn tiếng thở dài những chiều giáp hạt
Vẫn bát cơm chan mồ hôi mặn chát
Cha cả đời lam lũ
Mẹ một đời chắt chiu
Khoai sắn vẫn len vào giấc ngủ
Tuổi thơ tôi đói ngủ
Thương cánh cò bầu bíu lời ru.

Quê tôi nghèo lắm
Phiên chợ còn è ợt nghèo hơn
Dăm ba nải chuối
Vài mớ rau tươi
Mệt sắn, mệt ngô
Í ới mời chào cao hơn mời cỗ
Lèo tèo dăm người bán
Lẻ tẻ mấy người mua
Ế bán
Chán mua
Phiên chợ quê xác xơ già cỗi.

Quê tôi nghèo lắm
Lũ trẻ gầy như con cá mắt
Lũ trai mặt mũi mốc meo
Gặm nhấm nỗi đau nghèo khó
Nơm nớp âu lo đời như chiếu bạc
Thương con cò con vạc
Mỏi cổ chồn chân trên đồng đất của mình.

Quê tôi nghèo lắm
Nước mắt rơi từ thời chị Dậu
Tiếng oan khiên từ thời Giáo Thứ
Âm ỉ bủa quanh
Bám đeo đặc quánh
Chiếc cổng làng dựng lên thật đẹp
Sừng sững bê tông cốt thép
Ngạo nghễ tượng đài
Ngạo nghễ trần ai

*Chiếc cổng làng thành tai hại
Giam hãm đời người
Tù túng giấc mơ.*

*Quê tôi nghèo
Nghèo cả giấc mơ...*

Hưng Yên, chiều 29 tháng 12 năm 2014

ĐẶNG XUÂN XUYẾN

ĐỌC BÀI THƠ “QUÊ NGHÈO”

CỦA ĐẶNG XUÂN XUYẾN

Là người Việt Nam không ai không biết tới cảnh nghèo, cái đói đã đeo bám dân tộc ta từ những ngàn đời. Cảnh đói ăn, thiếu mặc, bán vợ, đợ con đã in đậm vào những trang văn, những bài thơ từ thuở ông cha ta biết dùng chữ viết ghi lại cùng con cháu hôm nay. Nhiều câu thơ, trang văn đã làm rơi lệ người đọc, thương cho số phận người xưa, lại thương cho phận số của chính mình. Cuộc cách mạng năm 1945 giành lấy chính quyền từ chế độ vua quan phong kiến, thực dân cai trị, người nghèo làm chủ lấy vận mệnh của mình với bao hy vọng đẹp tươi, xây dựng một xã hội ấm no, công bằng, người không còn bóc lột người... nhưng con đường ấy chưa biết bao giờ tới đích. Sau những bộ mặt đô thị, thành phố tập trung được xây dựng khang trang đẹp đẽ, vẫn còn những làng quê chưa thoát khỏi cảnh nghèo:

Vẫn lác đác nhà tranh

Vẫn tiếng thở dài những chiều giáp hạt

Vẫn bát cơm chan mồ hôi mặt chát

Cha cả đời lam lũ

Mẹ một đời chắt chiu

Khoai sắn vẫn len vào giấc ngủ...

Bộ mặt đời sống mỗi vùng quê mỗi nơi tuy có khác nhau nhưng nhìn chung vẫn chưa nhấc nổi bàn chân thoát khỏi cái vòng nghèo khó. Bây giờ không còn đói dài đói rạc, không còn quần mảnh áo manh, sự nghèo khó lại mang bộ mặt khác.

Nhìn từ bên ngoài:

Chiếc cổng làng dựng lên thật đẹp

Sừng sững bê tông cốt thép

Ngạo nghễ tượng đài...

Chiếc cổng làng thành:

Giam hãm đời người

Tù túng giấc mơ!

Còn đời sống thật bên trong, văn hóa, hiểu biết, kiến thức, khoa học, tục lệ, lễ nghi... vẫn chưa nâng con người thêm lên là bao. Thật buồn cười, hàng ngày qua đài báo ta cứ nghe ra rả những lời nói đẹp: “cán bộ là đầy tớ của nhân dân!” nhưng nhìn vào anh chị cán bộ nhỏ bé nhất của làng ai cũng quần là áo lượt, còn nhân dân thì áo dầm mồ hôi, quần quật nắng sương lại được tiếng là ông chủ của đất nước. Trong khi mảnh đất hẹp của chính mình vẫn cày cuốc, người tà có thể lấy đi để mua bán đầu tư cho những tập đoàn tư sản nước ngoài năm, bảy chục năm, lấy tiền bỏ túi nhà nước thì ít, còn túi những ông bà đầy tớ, chỉ một hai khóa nắm quyền, là có thể tậu nhà mặt phố, thị trấn, thành người của lớp giàu sang. Còn dân đen thì phải rời nhà, rời cả mồ mả tổ tiên và được cái tiếng là người có quyền làm chủ... Trong một bài thơ Đặng Xuân Xuyên khó nói hết điều này nên sau những câu thơ khắc họa cái nghèo rất thực:

Quê tôi nghèo lắm

Lũ trẻ gầy như con cá mắm

Lũ trai mặt mũi mốc meo

Gặm nhấm nỗi đau nghèo khó

Mà cuộc sống khổ nghèo trì trệ, tù đọng ấy cũng đâu yên ổn:

Nơm nớp âu lo

Đời như chiếu bạc

Nay hãy biết nay, còn mai chưa biết thế nào.

Hình ảnh trong bài thơ của Đặng Xuân Xuyên viết là những làng quê của vùng khoai lúa cây trồng nơi những vùng đồng bằng ít biến động bởi thiên tai bão tố. Nước ta với hơn ba nghìn cây số biển dài còn bao làng quê sống nghề chài lưới. Mỗi gia đình ở đây còn nơm nớp bao nhiêu khi đặt cược đời mình nơi những chiếc phao nổi nhen mặt nước. Dù không giàu có nhưng sống nhờ con tôm, con cá ...qua ngày. Bỗng nhiên người ta bán đất đầu tư cho nước ngoài gần cả trăm năm. Công nghiệp đem được lợi ích gì cho những người dân chài lưới chưa thấy đâu, đã gây nên vụ ngộ độc sứa dải biển bắc miền Trung cá chết, đã hơn hai tháng nay chưa tìm được nguyên nhân. Tuy được cho cơm gạo cầm hơi để sống, để nhìn ra biển. Nỗi đau dân chài, tự dựng rơi lại vào cái bẫy khó nghèo, so với nỗi sợ, nỗi lo ở những làng quê đời sống dân chài còn nơm nớp bấp bênh hơn. Đúng là “Đời như chiếu bạc” mình không đánh bạc mà bị trắng tay... Nỗi buồn lo đến vậy cả một dải đất miền biển, nhưng trên báo chí truyền thông ta chỉ được đọc một hai bài thơ đồng cảm với biển, chứng tỏ còn một nỗi đáng sợ hơn là lòng người bây giờ, tuy vẫn cười vẫn nói cùng nhau nhưng thứ tình nghĩa quê kiểng xóm làng sống không còn ấm áp “Tắt lửa tối đèn” như xưa.

Giữa không khí thơ như thế bài thơ của Đặng Xuân Xuyên như đốm lửa tình người vẫn còn lửa hồng than đỏ, hàng ngày sống giữa những cạnh tranh giành giật phố phường mà còn gửi được hồn mình ở nơi tình người và cảnh vật lẻ loi là thật đáng quý:

Phiên chợ quê còn ẻo ợt nghèo hơn

Dăm ba nải chuối

Vài mớ rau tươi

Mệt sản mệt ngô

Í ới mời chào...

Ế bán

Chán mua

Phiên chợ quê xác xơ già cỗi

Bài thơ “**Quê nghèo**” của Đặng Xuân Xuyên cho ta cái tình, tình người muôn thuở.

Làng thơ Việt Nam bây giờ có nhiều người giàu có, quyền tước ngất trời muốn mượn thêm thơ để làm phật đạo, rằng mình cũng hiền, cũng triết, cũng thanh cao, đã mượn cả danh của hội nhà văn Việt Nam để in sách, mời những nhà thơ có tiếng để hội thảo, in song ngữ, tam ngữ, quảng bá rùm beng như đám rước hội làng, nhưng thơ nhạt tẻch, bởi lòng họ còn đâu thứ tình người lửa khói. Tình người đã cạn kiệt còn lấy gì để rung ngân... Trái tim không còn nhói đau khi chạm phải “cái nghèo” cái bất công hàng ngày vây bủa thì còn đâu thơ phú...

Nhà thơ CHỦ VĂN LONG

Email: haicv08@gmail.com

“QUÊ NGHÈO” -

NGHÈO ĐẾN XÓT XA CỎI LÒNG

Hơn 60 năm trước, khi trọ học ở Hà Nội, tôi thường được ông chủ nhà cho cùng ông nghe buổi phát thanh ca nhạc của Đài phát thanh Pháp Á. Vì vậy, dần dà, tôi đã thuộc được lời và âm điệu của những bài ca mà tôi yêu thích, trong đó có bài “**Quê nghèo**” của Phạm Duy mà tôi có cảm giác như cái quê nghèo trong bản nhạc ấy cũng chính là quê mình, cũng “*không xa kinh kỳ sáng chói*”, cũng “*có lũy tre còn tả tơi*”...

Sau ngày giải phóng Thủ đô năm 1954, tôi vĩnh viễn không còn được nghe đài Pháp Á nữa, không phải vì không còn trọ học mà vì dân chúng chỉ được nghe đài Hà Nội mà thôi. Những bản nhạc bấy lâu đã thuộc trôi dần vào lãng quên trước nỗi vất vả kiếm sống của một thời trai trẻ cùng sự cấm đoán hát những bản nhạc ấy. Lại thêm khắp các làng quê được khơi dậy phong trào hợp tác xã, lòng người phơi phơi hát vang lời ca “*Dân có ruộng đập diu hợp tác/ Lúa mướt đồng ấp áp làng quê/ Chiêm mùa cờ đỏ ven đê...*”. Vì thế hai tiếng “**Quê nghèo**” cũng lặn mất tăm trong tâm trí của tôi.

Ai hay, hôm nay hai tiếng “**Quê nghèo**” lại hiện lên rõ nét trước mắt tôi. Không phải là nhạc phẩm “Quê nghèo” một thời vang bóng của nhạc sĩ Phạm Duy mà là bài thơ “**Quê nghèo**” còn như mới tinh nét chữ của nhà thơ Đặng Xuân Xuyên!

Bài thơ **Quê nghèo** gồm 4 khổ chính, khổ nào cũng cất lên câu mở đầu: *Quê tôi nghèo lắm* nghe như một tiếng thở dài buồn thảm và dai dẳng không hòng tìm thấy điểm ngừng. 4 khổ thơ chính và 2 câu thơ kết đã phô ra 5 cái nghèo lắm:

Trước hết là cái *nghèo lắm* về cảnh vật đến cuộc sống của người dân quê tôi:

Vẫn lác đác nhà tranh

Vẫn tiếng thở dài những chiều giáp hạt

Vẫn bát cơm chan mồ hôi mặn chát

Cha cả đời lam lũ

Mẹ một đời chắt chiu

Khoai sắn vẫn len vào giấc ngủ

Ba tiếng **vẫn** ở ba đầu ba câu thơ liên tiếp biểu thị sự tiếp tục, tiếp diễn của trạng thái nghèo nàn mà không gì có thể thay đổi được qua năm tháng.

Tuy nhiên, vẫn lác đác nhà tranh thì phần nào còn hy vọng nhà tranh sẽ hết. Nhưng “*Vẫn tiếng thở dài những chiều giáp hạt t/ Vẫn bát cơm chan mồ hôi mặn chát*” thì không dễ gì thoát được khi mà người dân quê đã lam lũ dốc kiệt sức vào việc kiếm ăn và đã phải một đời chắt chiu từ củ khoai nắm thóc, vậy mà hạt gạo không đủ nấu cơm. Bởi thế, từ **Vẫn** thứ tư phải tiếp nối:

Khoai sắn vẫn len vào giấc ngủ

Và biết bao tuổi thơ lâm vào cảnh:

Tuổi thơ tôi đói ngủ

Thương cánh cò bấu bấu lời ru.

Rất dễ hiểu ra, không phải là *cánh cò bay lá bay la/ bay từ cửa phủ bay ra cánh đồng* hay những *cánh cò trắng phau phau/ ăn no tấm mát rủ nhau đi nằm*; mà phải là những cánh cò đi ăn đêm, những cánh cò lặn lội bờ sông...

Bài thơ **Quê nghèo** của Đặng Xuân Xuyên hôm nay nhắc tôi nhớ lại bản nhạc **Quê nghèo** từ năm 1948 của Phạm Duy với những cánh mà từng ấy năm đã qua không một ai có thể vẽ lên hình ảnh một quê nghèo tuyệt vời đến vậy: lũy tre còm tả tơi, những ông già rách vai cuốc đất bên đàn trẻ gầy... Rồi là một tiếng kêu thống thiết:

Chiều rơi thoi thóp trên vại luống khoai

Hiu hắt tiếng bà mẹ cười

Vui vì nồi cơm ngô đầy

Nhưng trong tiếng kêu thống thiết ấy vẫn còn có niềm vui là nồi cơm độn đầy ngô. Người mẹ trẻ nghèo khó dẫu cũng thở dài nhưng trẻ thơ vẫn được đi vào giấc ngủ bằng sự vỗ về yêu thương của mẹ:

Có tiếng o nghèo thở dài

Vỗ về trẻ thơ bù ngủ

Sau hơn 60 năm đi theo con đường của chủ nghĩa xã hội rồi lại thực hiện đường lối đổi mới, những tưởng quê tôi sẽ đổi thay và phát triển đầy ắp no, hạnh phúc. Ai ngờ Quê tôi của nhà thơ, một làng quê của một tỉnh nằm ở trung tâm đồng bằng Bắc Bộ, cách thủ đô Hà Nội chỉ hơn sáu chục cây số, một vùng đất đã nổi danh từ 200 năm trước với Phố Hiến, một thương cảng đô hội quan trọng bậc nhất ở Đàng Ngoài trong câu: “*Thứ nhất Kinh Kỳ thứ nhì Phố Hiến*” vẫn không thoát cảnh **Quê nghèo**, vẫn chỉ là nhà tranh, là tiếng thở dài, là bát cơm mặn chát

mồ hôi, là khoai sắn len vào giấc ngủ của người lớn, là cánh cò bầu bíu lời ru trong giấc đôi ngủ của con trẻ.

Quê tôi nghèo lắm còn được phơi bày không giấu giếm trong cảnh chợ làng:

Dăm ba nải chuối

Vài mớ rau tươi

Mẹt sắn, mẹt ngô

Hàng hóa chỉ có thế, không thấy con tôm, con cá, con gà, miếng thịt lợn...

Chợ quê không nhiều người và phong phú hàng hóa như chợ huyện, chợ tỉnh nhưng từ nghìn đời nay chợ quê không chỉ là nơi đổi chác mua bán mà đối với dân làng còn là một nơi gần gũi thân thương chung của mọi người đồng thời cũng là một sắc thái riêng của văn hóa làng trong văn hóa chung của dân tộc. Bởi thế từ nghìn đời nay, bao người ao ước: *Muốn cho gần chợ mà chơi / Gần sông tắm mát, gần nơi đi về*

Nhưng bây giờ cái chợ quê của nhà thơ chỉ còn là một cái chợ “èo ọt” với vài dăm món hàng rẻ tiền như nải chuối, mớ rau, mẹt sắn mẹt ngô thì hiển nhiên cảnh họp chợ phải gần như vắng hoe:

Lèo tèo dăm người bán

Lẻ tẻ mấy người mua

Kẻ bán người mua, tất cả đều chung một tâm trạng buồn chán trước một phiên chợ đang tàn tạ không còn chút sự sống:

Ế bán

Chán mua

Phiên chợ quê xác xơ già cõi.

Quê tôi nghèo lắm, nghèo đến xót xa cõi lòng khi thấy hình hài lũ trẻ:

Lũ trẻ gầy như con cá mẫm

Lũ trai mặt mũi mốc meo

Nhìn lũ trẻ Quê nghèo trong thơ Đặng Xuân Xuyên, bỗng dưng tôi nghe văng vẳng tiếng hát trẻ trung trong câu ca dao: *Gió đưa gió đẩy... về rẫy ăn còng / Về sông ăn cá, về đồng ăn cua...*

Rồi lại ủa về thêm trong tôi những lời kể của nhà văn Tô Hoài: “*cái thuở bé sao mà lâu thế, dài thế. Bắt châu chấu bán cho người chơi chim họa mi. Bán không hết thì vặt cánh, bóp bụng cắt, rang khan với muối, ăn vã. Rồi thì kéo bọn đi hun chuột đồng, chuột luộc, chuột rán đều ngon. Quả sấu, quả nhót dầm nước mắm ớt, bây giờ đến mùa vẫn nhớ thèm và nói đến vẫn còn tứa nước rãi. Hôm nắng hanh thì lũng các bụi tre bắt rắn ráo ra phơi mình, chúng nó là rắn, nhưng rắn ráo, rắn nước, rắn mòng không có nọc độc, thịt mềm như thịt gà con luộc..” (trích Chiều chiều).*

Bây giờ đâu còn dễ kiếm được con còng, con cá, con cua đồng, đâu còn bắt được châu chấu, chuột đồng, rắn ráo, rắn nước rắn mòng, đâu còn hái được quả sấu quả nhót nơi quê nhà...nên lũ trẻ mới ra cái hình hài, cá mẫm mốc meo đáng thương kia.

Những thân hình đói khổ ấy làm sao chứa đựng được những tâm hồn lạnh mạnh mà trong họ chỉ có:

Nơm nếp âu lo đời như chiếu bạc

Với sự sống quần quanh chật hẹp tù hãm như những:

con cò con vạc

Mỏi cổ chồn chân trên đồng đất của mình

Quê tôi nghèo lắm. Vậy nguồn gốc của nông nổi nghèo lắm ấy là từ đâu?

Hãy nghe nhà thơ cất nghã:

Trước hết là nỗi khổ đau truyền đời chưa dứt:

Nước mắt rơi từ thời chị Dậu

Tiếng oan khiên từ thời Giáo Thứ

Âm ỉ bủa quanh

Bám đeo đặc quánh

Và giờ đây cộng thêm:

Chiếc cổng làng dựng lên thật đẹp

Ô hay, sao lại là tội của chiếc cổng làng dựng lên thật đẹp ấy?

Cổng làng có từ xa xưa ở làng quê Việt Nam. Ngoài ranh giới phân chia, cổng làng thể hiện rõ hồn cốt của làng. Nó được dựng lên để bảo vệ làng khi có giặc giã, trộm cướp và thường được dựng bằng tre, nối liền với những lũy tre bao bọc quanh làng. Bên cạnh cổng làng có điểm canh, ngày cổng mở để dân làng đi lại, đêm làng cử người canh ở điểm, kiểm tra người lạ vào làng. Những chiếc cổng làng xưa cũ ấy đã đi vào thơ ca với những nét đẹp giản đơn mà thơ mộng:

Ngày nay dù ở nơi xa

Nhưng khi về đến cây đa đầu làng

Thì bao nhiêu cảnh mơ màng

Hiện ra khi thoáng cổng làng trong tre

(Bàng Bá Lân)

Giờ cổng làng xưa không còn nữa. Quê thì nghèo rớt mồng tơi mà người ta lại xây cổng làng hoành tráng quá. Cổng làng không còn là nơi thông báo cho người khác biết về địa giới hành chính của làng nữa mà dường như chỉ để khoe mẽ:

Sừng sững bê tông cốt thép

Ngạo nghệ tượng đài

Ngạo nghệ trần ai

Và chính vì thế, người ta đâu biết:

Chiếc cổng làng thành tai hại

Giám hãm đời người

Tù túng giấc mơ.

Bài thơ kết thúc với hai câu nhưng câu thứ nhất cũng đại lại ba tiếng: *Quê tôi nghèo*. Và trong mọi cái nghèo đã nói, xót xa hơn cả là cái nghèo trong câu kết thứ hai:

Nghèo cả giấc mơ

Đến giấc mơ cũng nghèo thì nói gì đến hoài bão ước mơ lớn mà biết bao sự đổi thay tốt đẹp ở đời thì chỉ thuộc về những người có hoài bão, biết ước mơ!

Trong muôn vạn bài thơ của các kiểu người người làm thơ, nhà nhà làm thơ ngày nay với tràn ngập những bài thơ sáo mòn, nhạt thếch và cũ rích, thậm chí có nhiều bài như cỏ dại và nấm độc, thì bài thơ **Quê nghèo** của Đặng Xuân Xuyên là một bài thơ xứng đáng được những người yêu thơ đích thực đón nhận. Trước sự nghèo khổ của Quê hương, nhà thơ đã không câm lặng mà đã cất lên những tiếng thơ chân thật và đầy xúc động thể hiện những nỗi xót lòng đối với làng quê, với người dân quê của mình. Những tiếng thơ chân thật đến xót lòng ấy cũng là tiếng nói chung cho nhiều người đang còn có những “Quê tôi” chưa thoát cảnh đói nghèo.

Sài Gòn 17-06-2016

Tác gia, Nhà giáo **NGUYỄN BÀNG**

Email: bnguyen37@gmail.com

“QUÊ NGHÈO” -

XÓT XA NHỮNG TIẾNG LÒNG

Ngoài kia Ngâu đang rả rích. Trong này, tôi cũng đang lặn lội “về” với **Quê Nghèo** của Đặng Xuân Xuyên!

Mà cũng lạ, cái quê này ở đâu vậy nhỉ? Cố tìm một địa danh mà chẳng thấy. Thì ra ai đọc *Quê Nghèo* cũng liên tưởng đến quê mình... củ khoai hạt lúa, chân chất mộc mạc, xa thương gần lại càng thương.

Tác giả đã nói hộ mọi người:

Quê tôi nghèo lắm

(...)

Cha cả đời lam lũ

Mẹ một đời chắt chiu ...

Đọc hai câu thơ này giống như vế đối, lặp từ ĐỜI càng làm nặng thêm cái vất vả của bậc sinh thành. Tác giả có thể thay: cha suốt ngày lam lũ ... để tránh lặp từ nhưng may quá tác giả đã không làm như vậy! Đọc đến đây làm chúng con thấy chua xót mà cũng lẫn tẩn về trách nhiệm của mình nhưng có ngờ đâu đó là định mệnh mà xã hội làm chưa trọn!

Khoai sẵn vẫn len vào giấc ngủ ...

Trời ạ, khi đói chả ai ngủ được, họ nằm trần trọc, ước ao có được củ khoai, miếng sắn để quên đi bụng réo cồn cào... một lối tư duy rất thơ mà rất thực, cái đói cứ len vào giấc ngủ mà không làm gì được vì biết chắc chắn nhà mình chẳng còn gì cả, càng cố quên đi nó càng luồn lách, len lỏi vào tận... dạ dày! Chả còn gì để mà tự an ủi nữa, đến: *Cánh cò (còn phải) bấu bấu lời ru!*

Câu thơ đến đây làm nghẹn lòng người đọc, thương cho cánh cò rồi lại thương cái quê nghèo, thương cái thân phận của mình.

Có người nói: muốn biết vùng ấy thế nào thì nhìn vào chợ. Thì đây: phiên chợ èo uột,

Dăm ba nải chuối

Vài mớ rau tươi

Lèo tèo dăm người bán

Lẻ tẻ mấy người mua.

Ế bán

Chán mua

Lại một lần nữa cách diễn tả như vế đối, cô đọng hết cỡ, ngữ điệu dân gian... làm ta nghe phảng phất nhớ cụ Nguyễn Khuyến - Tú Xương. Thành công của bài thơ nằm ở đây. Tài thật, tôi biết đây là ngẫu hứng, tưởng tượng thôi nhưng thật tuyệt vì tác giả đã hòa hồn vào **Quê Nghèo** mới tinh chiết ra được như vậy.

Thương con cò con vạc

Mỏi cổ chồn chân trên đồng đất của mình.

Người nông dân thua trận ngay trên quê mình, mỏi cổ chồn chân ... miết rồi vẫn vậy.

Đặng Xuân Xuyên ơi:

Ngoài thềm rơi cái lá đa

Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng”

- (Trần Đăng Khoa)

Đặng Xuân Xuyên đã làm tôi liên tưởng so sánh về sự hòa hồn với quê hương tới mức đồng thể!

Ngạc nhiên thật. Thơ không giấu được về con người làm ra nó, có thể nào nó rải ra một cách vô tư và công bằng.

Băng đi... đến thời nay (mặc dù tạm quên đi chị Dậu, Giáo Thứ):

Chiếc cổng làng dựng nên thật đẹp

Ngạo nghề tưởng đài

Ngạo nghề trần ai...

Để:

Giam hãm đời người

Tù túng giấc mơ!

Quê tôi nghèo
Nghèo (đến) cả giấc mơ!

Đúng là hình ảnh làng văn hoá, đổi mới hiện nay rồi nhưng sao ta vẫn nếm được vị chua chát, bất mãn làm vậy. Rất may đây là cách chỉ ra gián tiếp nguyên do làm cho quê nghèo mãi nghèo! Ta đã thấy manh nhà một tư tưởng mới, cách sống không cam chịu và chẳng thèm thích nghi nữa.

Con cò: *bấu vúi lời ru*

Con người: *nghèo cả giấc mơ!*

Mơ chẳng mất tiền, không ai đánh thuế, bắt vạ... ấy mà cũng chẳng dám mơ ước đổi đời

Ngoài kia giọt mưa thu đã ngừng rơi

Còn trong lòng mưa vẫn rơi sùi sụt!

Thương cho những quê nghèo với những xót xa tiếng lòng như trong **Quê Nghèo** của Đặng Xuân Xuyên!

Nhà Nghiên cứu Văn hóa **BÙI ĐỒNG**

Email: hatbuinhangian.db@gmail.com

ƯU ĐIỂM VỀ MẶT THI PHÁP CỦA “QUÊ NGHÈO”

- Trích từ bài: BÌNH THƠ KHÔNG BÀN THI PHÁP -

Bài này (**Quê Nghèo**) nhà phê bình Nguyễn Bằng đã viết lời bình với tựa **Quê Nghèo - Nghèo Đến Xót Xa Cõi Lòng**. Còn ông Bùi Đồng cũng bình bài thơ nhưng chọn cái tựa khác hơn một tý: **Quê Nghèo - Xót Xa Những Tiếng Lòng**. Giống như Châu Thạch, hai ông cũng chỉ bình tán ý tứ mà không bàn thi pháp.

1/ *Nhịp điệu*: Số câu trong bài không bị bó buộc, viết hết ý thì thôi; số chữ trong câu tùy tiện, không theo một quy luật nào nên nhịp điệu khác lạ, tránh được cảm giác đơn điệu, nhàm chán. Tốc độ dòng chảy của tứ thơ khá nhanh, thay đổi theo cảm xúc, tạo mối giao cảm trực tiếp với độc giả ngay trên từng con chữ. Thêm vào đó, cách phân bổ các con chữ, câu, đoạn trong bài thơ biểu lộ một tâm thế, một phong thái tự do, thoải mái.

2/ *Vần*: Tôi có cảm tưởng tác giả không chú ý gieo vần nhưng các con chữ tuôn ra trong lúc tình thương mến quê dâng cao cứ tự động kết nối với nhau thành từng mảng trong đó đã có vần một cách tự nhiên. Riêng đoạn 2 và phần đầu đoạn 4 không có vần nhưng đọc lên - nhờ nhịp điệu - vẫn trơn tru thoải mái như ăn chè vừa đủ độ ngọt.

Quê tôi nghèo lắm

Phiên chợ còn èo ợt nghèo hơn

Dăm ba nải chuối
Vài mớ rau tươi
Mẹt sắn, mẹt ngô
Í ới mời chào cao hơn mời cỗ
Lèo tèo dăm người bán
Lẻ tẻ mấy người mua
Ế bán
Chán mua
Phiên chợ quê xác xơ già cõi.

Và:

Quê tôi nghèo lắm
Nước mắt rơi từ thời chị Dậu
Tiếng oan khiên từ thời Giáo Thứ
Âm ỉ bủa quanh
Bám đeo đặc quánh

Không biết do tác giả có tài hay do may mắn. Tôi nghĩ có lẽ cả hai.

3/ *Dòng chảy của tứ thơ*: Hình ảnh, sự kiện nối tiếp nhau chảy thành dòng trên con kênh mà lòng kênh là câu thơ chủ đạo “*Quê tôi nghèo lắm*”. Chính nhờ tứ thơ nhất khí liền mạch chảy thành dòng nên đã có sóng sau dồn sóng trước để tạo cơ hội cho cảm xúc tầng 3 xuất hiện.

4/ *Cảm xúc*: Cảm xúc tầng 1 khá mạnh toát ra từ câu chữ; cảm xúc tầng 2 cũng đáng kể do thể trận tuy chưa hoàn toàn hợp lý, mạch lạc nhưng cũng không đến nỗi phân tán, rời rạc. Thêm vào đó, nhờ nhịp điệu thơ nhanh nên đã có xuất hiện cảm xúc tầng 3 - thứ cảm xúc cao cấp nhất trong thơ - nhưng chưa đủ mạnh để tạo hồn thơ. Lý do: tác giả không tạo được cao trào, và do đó, đoạn kết thiếu ấn tượng.

Đôi Lời Với Tác Giả Bài Thơ “Quê Nghèo”

Tôi đã để ý đến “cách làm thơ” của Đặng Xuân Xuyên từ khá lâu mặc dù đã có lần “đụng chạm” với anh rất nặng. Về mặt thi pháp, anh (và vài nhà thơ khác) đã đi trước rất nhiều người trong cái cộng đồng yêu thơ quy tụ quanh trang web của anh và một số trang web lân cận. Muốn đem một bài thơ nào đó của anh ra mổ xẻ để “mách nước” cho anh bứt phá chạy mau đến “bến bờ thi ca” nhưng hình như “không có duyên”; tôi thường đi sau thiên hạ một bước.

Hôm nay, nhân dịp viết loạt bài về hồn thơ tôi để ý đến bài **Quê Nghèo** của anh. Thật tình, đây là bài thơ còn khá xa mới đến mức hoàn hảo. Có đến vài chỗ sai phạm, hoặc nếu không sai phạm thì cũng chưa hoàn chỉnh, có thể o bế, trau chuốt để bài thơ hay hơn. Nhưng rõ ràng với cách sắp xếp con chữ và sử dụng vần điệu khá nhuyễn anh đã tạo cho bài thơ của mình cái vóc dáng của một lãng tử phiêu du, không bị trói buộc bởi “gia quy, lệ làng, phép nước”; tứ thơ đã chảy thành dòng, và cảm xúc có đôi chỗ mức gia tăng đã nhiều hơn cấp số cộng. Mặc dầu bài thơ đã có (ít nhất) hai người bình nhưng cả hai (Nguyễn Bằng và Bùi Đồng) đều không bàn thi pháp nên kỹ thuật thơ của anh, cái “tài thơ” của anh bị lãng quên.

Theo tôi, riêng về phần kỹ thuật thơ, anh đã có đủ điều kiện để viết bài thơ để đời của mình. So với Ngọc Mai - người tôi nói đến ở bài 2 - anh có nhiều ưu điểm hơn, đặc biệt là thể thơ và cách nhìn phóng khoáng về cuộc sống. Nói theo ngôn ngữ bóng đá anh cần để ý thêm về dấu pháp toàn đội (thể trận), cách ghi bàn thắng thật đẹp (đoạn kết) và gây hưng phấn cho cầu thủ của đội bóng (trạng thái cao hứng của thi sĩ). Nếu anh tiếp tục “thai nghén” một tứ thơ đặc ý

nào đó rồi gắng chờ đến lúc “óc ách”, khó chịu, không “xì” ra không được. Lúc ấy mà “mở bầu tâm sự” thì với thi pháp của anh cơ hội tặng cho đời một đứa con “sáng giá” sẽ rất cao.

Nhà Phê bình Văn học **PHẠM ĐỨC NHÌ**

Địa chỉ: League City, Hoa Kỳ.

Email: nhidpham@gmail.com

CHIẾC CỔNG LÀNG ĐẶC BIỆT TRONG BÀI THƠ

“QUÊ NGHÈO” CỦA ĐẶNG XUÂN XUYẾN

- Trích từ bài: THẾ THÁI NHÂN TÌNH TRONG THƠ ĐẶNG XUÂN XUYẾN -

Quê nghèo là một trong số những bài thơ hay của Đặng Xuân Xuyên. Bài thơ là tiếng lòng đón đau của người con khi phải chính kiến cảnh đói nghèo, cơ cực trải dài qua bao năm tháng, qua bao thế hệ ở làng quê, nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Bài thơ chiếm được nhiều cảm tình của người đọc, được nhiều tác giả viết lời bình nhưng chiếc cổng làng - hình tượng độc đáo trong **Quê nghèo** - lại chỉ được bình thoáng qua, trong khi lẽ ra phải dành cho chiếc cổng làng một lượng câu chữ nhiều hơn thế.

Tôi nghĩ chiếc cổng làng của **Quê nghèo** không còn là cổng làng của riêng làng Đá nửa mà là biểu tượng của thể chế đã giam hãm, trói buộc người dân trong đói nghèo, tù túng... Đây là tiếng kêu nghẹn uất của nhà thơ về nỗi đau của chế độ đã đè nặng lên cuộc sống cơ cực, khốn quẫn của người dân. Hình ảnh cái cổng làng “*Sừng sững bê tông cốt thép/ Ngạo nghễ tượng đài/ Ngạo nghễ trần ai*” cũng khiến người đọc liên tưởng tới hiện tượng cả xã hội thi nhau xây dựng các loại tượng đài để đục khoét ngân khố quốc gia, làm khổ thêm cuộc sống “trăm đắng ngàn cay” của người dân. Thật đau xót khi biểu tượng chiếc cổng làng - biểu tượng ngàn đời của văn hóa làng xã Việt Nam đã bị thể chế hóa, để không chỉ “*Giam hãm đời người/ Tù túng giấc mơ*”, mà còn đầy đọa, đẩy cuộc sống người dân xót xa đến mức:

“*Quê tôi nghèo*

Nghèo cả giấc mơ.

Nhà thơ ĐỖ ANH TUYẾN

Email: dovantuyenbk@yahoo.com.vn

VÀI Ý KIẾN QUANH VIỆC MỔ XẺ BÀI THƠ:

“QUÊ NGHÈO” CỦA ĐẶNG XUÂN XUYẾN

Chưa bàn đến hay, không hay nhưng tôi thích bài thơ ở chỗ nó chân thực nhưng tôi không thích tứ thơ này:

“*Chiếc cổng làng thành tai hại*

Giam hãm đời người

Tù túng giấc mơ:

Quê tôi nghèo

Nghèo cả giấc mơ..”

Đây là chủ quan của tác giả. Tôi nghĩ hãy để cho nó tự nhiên như vốn có.

Cảnh quê nghèo này nó nhang nhác các bài thơ tả cảnh đồng quê ở đâu đó cánh cò, cánh vạc, đói, rét. Từ ngày cách mạng tháng 8 thành công, dân cũng còn nhiều người đói khổ, tuy nhiên, những tá điền được xóa nợ, nhiều người nông dân đã đổi đời, con em họ được đi học, thậm chí được giữ nhiều trọng trách trong xã hội. Tuy nhiên xã hội nào cũng có mặt này mặt nọ, nên nhìn những mặt tích cực.

Với bác PHẠM ĐỨC NHÌ

Dù cho tôi không biết bác là ai, nhưng qua lời góp ý, phê bình của bác tôi thấy bác là người thẳng thắn và khá chân tình, tất nhiên kẻ sỹ Bắc Hà không ai tránh khỏi một chút kẻ cả khi bác nói: *“Muốn đem một bài thơ nào đó của anh ra mổ xẻ để “mách nước” cho anh bút phá chạy mau đến “bến bờ thi ca”.* Điều này chả ai giúp ai được bác ạ, vì nó tự nhiên như ánh trăng, như cảm xúc lúc yêu đương phải không bác?

“Theo tôi, riêng về phần kỹ thuật thơ, anh đã có đủ điều kiện để viết bài thơ để đời của mình.”. Bác ấy rất chân tình và thẳng thắn hơn nữa đưa ra những nhận xét tích cực chứ hoàn toàn không hạ thấp người nghe.

Nếu nghe câu này chắc chắn lúc đầu tác giả không tránh khỏi bị sốc vì có người chê đứa con của mình ngay cả người đó là mẹ vợ mình đi nữa: *“Thật tình, đây là bài thơ còn khá xa mới đến mức hoàn hảo. Có đến vài chỗ sai phạm, hoặc nếu không sai phạm thì cũng chưa hoàn chỉnh, có thể o bế, trau chuốt để bài thơ hay hơn.”.*

Điều này rất thẳng thắn, tuy nhiên cũng là ý nghĩ chủ quan của bác PHẠM ĐỨC NHÌ vì thơ phú là cảm xúc của từng người, nhất là thơ mới, không theo bất cứ một bó buộc, nguyên tắc gì.

Tuy nhiên bác vẫn thừa nhận những điểm mạnh của bài thơ: *“Nhưng rõ ràng với cách sắp xếp con chữ và sử dụng vần điệu khá nhuyễn anh đã tạo cho bài thơ của mình cái vóc dáng của một lãng tử phiêu du, không bị trói buộc bởi “gia quy, lệ làng, phép nước”; tứ thơ đã chảy thành dòng, và cảm xúc có đôi chỗ mức gia tăng đã nhiều hơn cấp số cộng.”*

Nếu không thực sự yêu mến nhà thơ thì bác ấy đã không mất công để mà ngồi bình làm gì, bác ấy góp ý như là góp ý cho một đứa con trai.

“1/ Nhịp điệu: Số câu trong bài không bị bó buộc, viết hết ý thì thôi; số chữ trong câu tùy tiện, không theo một quy luật nào nên nhịp điệu khác lạ, tránh được cảm giác đơn điệu, nhàm chán. Tốc độ dòng chảy của tứ thơ khá nhanh, thay đổi theo cảm xúc, tạo mối giao cảm trực tiếp với độc giả ngay trên từng con chữ. Thêm vào đó, cách phân bố các con chữ, câu, đoạn trong bài thơ biểu lộ một tâm thế, một phong thái tự do, thoải mái.

2/ Vần: Tôi có cảm tưởng tác giả không chủ ý gieo vần nhưng các con chữ tuôn ra trong lúc tình thương mến quê dâng cao cứ tự động kết nối với nhau thành từng mảng trong đó đã có vần một cách tự nhiên. Riêng đoạn 2 và phần đầu đoạn 4 không có vần nhưng đọc lên - nhờ nhịp điệu - vẫn trơn tru thoải mái như ăn chè vừa đủ độ ngọt.

3/ Dòng chảy của tứ thơ: Hình ảnh, sự kiện nối tiếp nhau chảy thành dòng trên con kênh mà lòng kênh là câu thơ chủ đạo “Quê tôi nghèo lắm”. Chính nhờ tứ thơ nhất khí liền mạch chảy thành dòng nên đã có sóng sau dồn sóng trước để tạo cơ hội cho cảm xúc tầng 3 xuất hiện.

4/ Cảm xúc: Cảm xúc tầng 1 khá mạnh toát ra từ câu chữ; cảm xúc tầng 2 cũng đáng kể do thể trận tuy chưa hoàn toàn hợp lý, mạch lạc nhưng cũng không đến nỗi phân tán, rời rạc. Thêm vào đó, nhờ nhịp điệu nhanh nên đã có xuất hiện cảm xúc tầng 3 - thứ cảm xúc cao cấp nhất trong thơ - nhưng chưa đủ mạnh để tạo hồn thơ. Lý do: tác giả không tạo được cao trào, và do đó, đoạn kết thiếu ấn tượng.”

Dù muốn hay không muốn bác ấy cũng đưa ra lời nhận xét rất chân tình: “Không biết do tác giả có tài hay do may mắn. Tôi nghĩ có lẽ cả hai.”

Tôi không hiểu nhiều về bóng đá, và cũng chưa có nhiều kinh nghiệm sống nhưng tôi nghĩ là bác Phạm Đức Nhì có một nhận thức khá dày dặn về cuộc sống, khi ví thơ với bóng đá, cho dù đôi lúc vẫn còn giữ thói quen của những nề nếp cũ: “anh có nhiều ưu điểm hơn, đặc biệt là thể thơ và cách nhìn phóng khoáng về cuộc sống. Nói theo ngôn ngữ bóng đá anh cần để ý thêm về đấu pháp toàn đội (thể trận), cách ghi bàn thắng thật đẹp (đoạn kết) và gây hưng phấn cho cầu thủ của đội bóng (trạng thái cao hứng của thi sĩ). Nếu anh tiếp tục “thai nghén” một tứ thơ đặc ý nào đó rồi gắng chờ đến lúc “óc ách”, khó chịu, không “xì” ra không được. Lúc ấy mà “mở bầu tâm sự” thì với thi pháp của anh cơ hội tặng cho đời một đứa con “sáng giá” sẽ rất cao.”

Với CảnhThư Sg:

Người thực sự chấp nhận được sự suy nghĩ khác với mình là người thực sự tự tin và bao dung, hiểu đời, tôi không biết tác giả đã từng là một người lính, tác giả nghĩ thế nào?

Nhưng lời bình dù chỉ trích của các nhà thơ đem lại giá trị cho bài thơ rất cao? Chắc chắn nhà thơ hiểu được điều này nên không lên tiếng phản bác?

Theo như bạn viết: “có người đọc thơ cho là may rồi. Mà người đọc thơ cũng chả ai được học và cần học Thi pháp, thích thì đọc; đọc xong thì bảo hay, khá hay, chưa hay hoặc dở, quá dở, thế thôi! Nay bài thơ Quê Nghèo có tới 3 người bình, thiết tưởng thế là rất đáng mừng cho nhà thơ và cho bài thơ rồi”.

Bạn nói rất đúng, nếu không yêu thì bình làm chi? Còn việc bạn cho rằng: “Ở một cường quốc thơ như Việt Nam”, không biết bạn có chủ quan hay không?

Đành rằng bây giờ không chỉ có kẻ sỹ hay người học chuyên văn, giới văn sỹ đọc thơ: “người đọc thơ cũng chả ai được học và cần học Thi pháp, thích thì đọc; đọc xong thì bảo hay, khá hay, chưa hay hoặc dở, quá dở, thế thôi!” tuy nhiên dù là một người ngoại đạo thì tôi nghĩ, ai cũng có thể đọc thơ, cảm nhận thơ theo cách riêng của mình. Nhưng tùy theo trình độ và chuyên môn mà người bình có thể đánh giá bài thơ đó theo cách riêng của họ. Còn theo bản thân tôi một bài thơ có ý tứ hay người nghe cảm thụ, ngoài ra còn có luật, do đó thơ Lục bát, thơ thất ngôn bát cú, thơ Đường Luật, thơ thất ngôn trường thiên phải theo đúng luật. Cái hay, cái tài tình cái thông minh của người làm thơ là ở chỗ đó? Ngoài ra qua thơ người ta có thể hiểu thấu được tâm tính và khí phách của người làm thơ. Đố ai tìm được chỗ sai nào trong bài thơ: Qua đèo ngang của bà Huyện Thanh Quan!!!

Vài ý kiến của một người ngoại đạo. Ai thích thì like, ai không thích cứ việc ném đá, tôi ở xa, đá không đến tận nơi.

Ngày 05 tháng 04 năm 2018

NGUYỄN BÍCH THỦY

facebook: [Nguyen Bich Thuy](#)

VỀ CHIẾC CỔNG LÀNG TRONG BÀI THƠ

“QUÊ NGHÈO” CỦA ĐẶNG XUÂN XUYẾN

Tôi vừa hân hạnh đọc bài viết “*Vài ý kiến quanh việc mổ xẻ bài thơ Quê Nghèo của Đặng Xuân Xuyên*” của tác giả Nguyễn Bích Thủy ở Bỉ.

Tôi thích bài viết này vì lời văn đằm đạm, dễ thương. Trong bài chị Nguyễn Bích Thủy trích dẫn lại câu chữ của nhà thơ Phạm Đức Nhi thì nhiều mà ý kiến của riêng chị thì lại ít. Không sao, đó là phong cách riêng của mỗi cây bút. Tôi chỉ không thống nhất với đoạn đầu chị Nguyễn Bích Thủy đã cho Đặng Xuân Xuyên chủ quan khi cho rằng chiếc cổng làng “*Giam hãm đời người/ Tù túng giấc mơ*”. Chị Nguyễn Bích Thủy cho rằng “*sau cách mạng tháng 8 nông dân đổi đời...*”. Nguyễn Bích Thủy quên rằng nông dân đổi đời này thì phải nhận lại đời khác mà Đặng Xuân Xuyên là người lớn lên ngay trong làng, chứng kiến được sự đổi đời mới đó lại làm cho “*Giam hãm đời người/ Tù túng giấc mơ*” có khi còn hơn trước. Điều Đặng Xuân Xuyên nói cũng giống như Trần Dần nói: “*Tôi bước đi/ Không thấy phố không thấy phường/ Chỉ thấy mưa sa trên lá cờ đỏ*” đã làm chế độ tẩy chay ông, phải nhận chịu nhiều đau đớn suốt một đời văn.

Tôi nhất trí với cách nhìn của nhà thơ Đỗ Anh Tuyến trong bài viết “*Thế thái nhân tình qua thơ Đặng Xuân Xuyên*” khi cảm nhận về bài thơ **Quê Nghèo**:

“*Quê nghèo là một trong số những bài thơ hay của Đặng Xuân Xuyên. Bài thơ là tiếng lòng đớn đau của người con khi phải chính kiến cảnh đói nghèo, cơ cực trải dài qua bao năm tháng, qua bao thế hệ ở làng quê, nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Bài thơ chiếm được nhiều cảm tình của người đọc, được nhiều tác giả viết lời bình nhưng chiếc cổng làng - hình tượng độc đáo trong **Quê nghèo** - lại chỉ được bình thoáng qua, trong khi lẽ ra phải dành cho chiếc cổng làng một lượng câu chữ nhiều hơn thế.*”

Nhà thơ Đỗ Anh Tuyến cho rằng chiếc cổng làng của **Quê nghèo** không còn là cổng làng của riêng làng Đá nữa mà là biểu tượng của tình trạng đất nước hiện nay. Đây là tiếng kêu thương thảm thiết về nỗi đau đã đè nặng lên cuộc sống của người dân. Hình ảnh cái cổng làng “*sừng sững bê tông cốt thép/ Ngạo nghễ tượng đài/ Ngạo nghễ trần ai*” cũng là một trong nhiều hiện tượng gây hệ lụy cho người nông dân.

Với tôi những hiện tượng đó khó mà nói hết được trong một bài thơ hay trong một vài trang giấy.

Xin nhờ Đặng Xuân Xuyên gửi đến chị Nguyễn Bích Thủy bài góp ý này với một phần trong bài bình luận “*Đọc Thơ Đặng Xuân Xuyên*” của tôi có một đoạn nói về bài thơ **Quê Nghèo**:

“Bài thơ **“Quê Nghèo”** không có sự bạo miệng của kẻ ngắt ngưỡng say, ngược lại là những giọt lệ rơi vào, là tiếng khóc nghẹn ngào trong tâm tình thổ lộ. Tôi lại mạn phép tóm gọn bài thơ dài 41 câu bằng 7 câu thơ của chính nó:

Quê tôi nghèo lắm
Nước mắt rơi từ thời chị Dậu
Âm ỉ bữa quanh
Bám đeo đặc quánh
Chiếc cổng làng dựng lên thật đẹp
Giám hãm đời người
Tù túng giấc mơ.

Bài thơ cho ta thấy một nỗi đau truyền kiếp từ thế kỷ 19 đến nay. Nỗi đau đó do đâu, nhà thơ không nói rõ nhưng nó đã “giám hãm đời người” ngay “từ trong giấc mơ”. Như thế nỗi đau này không chỉ là nỗi đau vật chất mà còn là nỗi đau tinh thần. Ngày xưa chị Dậu nghèo lắm về vật chất nhưng không ai cấm ước mơ. Bây giờ “Giám hãm đời người / Tù túng giấc mơ”, nghĩa là có thêm cái “nghèo lắm” tinh thần.

Bài thơ làm thức tỉnh cơn mê của những người nhìn vào mặt phải mà không thấy mặt trái bao giờ.”

Đây chỉ là những lời thảo luận thân tình với nhau vì tôi thấy mẫn bút pháp của Nguyễn Bích Thủy chớ không phải là tranh biện.

Thân ái chúc nhà thơ Đặng Xuân Xuyên và tác giả Nguyễn Bích Thủy bình an trong đời, thăng tiến và viết mỗi ngày thêm hay./.

Nhà Phê bình Văn học CHÂU THẠCH

Email: truongvantran@hotmail.com

TRAO ĐỔI VỀ “QUÊ NGHÈO”

VỚI CÔ NGUYỄN BÍCH THỦY

Với bài viết **Vài Ý Kiến Quanh Việc Mổ Xé Bài Thơ “Quê Nghèo” Của Đặng Xuân Xuyên** cô Nguyễn Bích Thủy đã có nhã hứng ghi lại một số nhận xét về Mục thứ 5 - **Ưu Điểm Về Mặt Thi Pháp Trong Bài Thơ “Quê Nghèo”** - trong bài viết **Bình Thơ Không Bàn Thi Pháp** của tôi. Nhận xét của cô thiên về cảm tính nên dù có nhiều chỗ cô phân tích rất sâu sắc, nhiều tính thuyết phục, vẫn còn vài điểm tôi thấy cần trao đổi với cô để làm rõ vấn đề. Bài viết này chỉ nhắm vào những điểm cần thiết đó.

Nguyễn Bích Thủy:

Chưa bàn đến hay, không hay nhưng tôi thích bài thơ ở chỗ nó chân thực nhưng tôi không thích tứ thơ này:

*“Chiếc cổng làng thành tai hại
Giám hãm đời người
Tù túng giấc mơ.*

Quê tôi nghèo

Nghèo cả giấc mơ...”

Đây là chủ quan của tác giả. Tôi nghĩ hãy để cho nó tự nhiên như vốn có.

Phạm Đức Nhì:

Nếu cô Nguyễn Bích Thủy chỉ nói “*nhưng tôi không thích tứ thơ này*” thì chẳng ai dám có ý kiến gì. Vì thích hay không thích cái gì đó là quyền riêng tư của mỗi người. Cái sai của cô là ở câu “*Đây là chủ quan của tác giả*”. Nếu cái gì trong thơ cũng là “*thực tế khách quan*”, cũng “*phải đạo*”, cũng hợp với lẽ đời thì cái loại thơ ấy không đáng để ý, không phải là thứ thơ mà nhân loại đang hưởng tới.

Dĩ nhiên trong thơ cũng có những nhân tố khách quan, nhưng những ý nghĩ, cảm giác chủ quan của tác giả là chính. Nhiều khi những cái khách quan được đưa vào bài thơ chỉ để làm nổi bật những ý nghĩ, cảm giác chủ quan của tác giả. Chính “*chủ quan của tác giả*” mới làm bài thơ có cá tính (không chỉ viết về những cái ai cũng biết rồi), mới làm nên giá trị của bài thơ, miễn là những “*chủ quan của tác giả*” hợp lý hợp tình và những sự kiện khách quan cũng hợp tình hợp lý.

Câu nói của cô Nguyễn Bích Thủy có hai phần; phần đầu đúng, còn phần sau thì sai nặng.

Nguyễn Bích Thủy:

Dù cho tôi không biết bác là ai, nhưng qua lời góp ý, phê bình của bác tôi thấy bác là người thẳng thắn và khá chân tình, tất nhiên kẻ sỹ Bắc Hà không ai tránh khỏi một chút kẻ cả khi bác nói: “Muốn đem một bài thơ nào đó của anh ra mổ xẻ để ‘mách nước’ cho anh bút phá chạy mau đến ‘bến bờ thi ca’”. Điều này chả ai giúp ai được bác ạ, vì nó tự nhiên như ánh trăng, như cảm xúc lúc yêu đương phải không bác?

Phạm Đức Nhì:

Thích bóng đá nên có một thời gian ngắn tôi được một người bạn mời đi xem những trận đấu của các đội tuyển xã tranh vô địch cấp huyện. Mục đích của anh bạn là muốn nhờ tôi “xem giò, xem cẳng” những cầu thủ trẻ. Nếu thấy em nào “đá có nét”, có triển vọng anh sẽ tìm cách rủ rê, mời gọi về làm lực lượng dự bị cho đội tuyển của một ngành công nghiệp. Anh cho tôi biết hãy chú trọng vào cách giữ bóng, che bóng, đi bóng, lừa bóng, khả năng sút bóng xa của các em, còn những kỹ thuật khác khi tuyển về sẽ huấn luyện thêm.

Trong thơ cũng vậy. Có thể nói ngoại trừ cảm xúc ở tầng 3 - thứ cảm xúc mà nếu lên đến đỉnh điểm khi bài thơ có cao trào sẽ thành hồn thơ - là không ai có thể dạy ai đưa nó vào bài thơ được. Còn thì - đặc biệt ở phần thi pháp, mang tính kỹ thuật - cái gì cũng có thể học hỏi được. Dĩ nhiên, học là học lý thuyết. Bước vào thực hành, mỗi người một vẻ, kẻ thất bại, người thành công, chẳng ai dám nói mạnh.

Riêng với Đặng Xuân Xuyên, tôi đã “xem giò, xem cẳng”, đọc thơ của anh khá nhiều và đã “chấm” sự đột phá trong thi pháp của anh. Trong bài **Quê Nghèo**, về hình thức anh đã đập đổ truyền thống, vượt qua thơ mới, đang trụ ở thơ mới biến thể mà những sợi dây níu kéo đang đứt dần để vươn tới một thể thơ “chưa có tên” - vắn vừa độ ngọt, tứ thơ thông thoáng, nhịp độ thay đổi theo cảm xúc đang chảy thành dòng ... - nếu viết trong tâm thế cực kỳ phấn khích có thể thẳng hướng “*Bến Bờ Thi Ca*”.

Những khuyết điểm, sai phạm về mặt câu chữ, ngay cả thể trận cũng có thể sửa chữa không mấy khó khăn, nhưng cái tay nghề vững vàng đã trở thành thói quen trong thi pháp của anh

không thể một sớm một chiều mà có được. Nếu Đặng Xuân Xuyên nghe lời “mách nước” của tôi, nhận ra khả năng và thể mạnh của mình, anh sẽ tự tin hơn khi viết những bài thơ kế tiếp. Với thơ thì không nói chắc được, nhưng anh Đặng Xuân Xuyên còn trẻ, thời gian dành cho thơ còn dài, việc để lại cho đời một đôi bài thơ sáng giá không phải là điều không tưởng.

Cô Nguyễn Bích Thủy cho rằng: “*Điều này chả ai giúp ai được bác ạ, vì nó tự nhiên như ánh trăng, như cảm xúc lúc yêu đương*” là do cô đọc thơ chỉ như người “cỡ ngựa xem hoa”, chưa đi sâu nên chưa hiểu, chưa biết.

Nguyễn Bích Thủy:

Nếu nghe câu này chắc chắn lúc đầu tác giả không tránh khỏi bị sốc vì có người chê đứa con của mình ngay cả người đó là mẹ vợ mình đi nữa: “Thật tình, đây là bài thơ còn khá xa mới đến mức hoàn hảo. Có đến vài chỗ sai phạm, hoặc nếu không sai phạm thì cũng chưa hoàn chỉnh, có thể o bế, trau chuốt để bài thơ hay hơn.”

Điều này rất thẳng thắn, tuy nhiên cũng là ý nghĩ chủ quan của bác PHẠM ĐỨC NHÌ vì thơ phú là cảm xúc của từng người, nhất là thơ mới, không theo bất cứ một bó buộc, nguyên tắc gì.

Phạm Đức Nhì:

Bình thơ là công việc nặng tính chủ quan. Người bình đem kiến thức về thơ, cách đánh giá thơ ca của mình để thẩm định giá trị nghệ thuật của bài thơ. Dĩ nhiên, ngoài một số rất ít những tác phẩm hoàn hảo, mỗi bài thơ - “*dù là cảm xúc của từng người*” - đều có chỗ hay, chỗ dở, có khi có cả những chỗ sai phạm. Nhiệm vụ của người bình là chỉ ra những chỗ hay, vạch ra những chỗ dở, chỗ sai phạm để cuối cùng cân nhắc, khen, chê bài thơ cho đúng mức.

Thí dụ bài **Quê Nghèo** của Đặng Xuân Xuyên, tác giả đã có mấy câu nói về “*Lũ trẻ*” trong làng:

Lũ trẻ gầy như con cá mắm

Và “*Lũ Trai*”:

Lũ trai mặt mũi mồm meo

Gặm nhấm nỗi đau nghèo khó

Nơm nếp âu lo đời như chiếu bạc

Còn “*lũ con gái*” thì sao? Đặng Xuân Xuyên đã quên nên để độc giả vừa đọc vừa mỗi cổ ngóng chờ. Đây cũng là một chỗ sai phạm.

Câu thơ: “*Tù túng giấc mơ*” trong đoạn: *Chiếc cổng làng thành tai hại/ Giam hãm đời người/* *Tù túng giấc mơ.* theo tôi, thật tuyệt vời. Nhưng đã làm 2 câu: *Quê tôi nghèo/ Nghèo cả giấc mơ.* mất tính bất ngờ và nhạt hẵn đi về mặt ý nghĩa. Vụng về trong sử dụng điệp ngữ đã làm hỏng 2 câu kết. Có thể nói trong **Quê Nghèo** đội của Đặng Xuân Xuyên đi bóng, lừa bóng, chuyền bóng rất điệu nghệ nhưng khi đến sát cầu môn đối phương thay vì ghi bàn thẳng lại đá ra ngoài.

Tôi, ở đây không bình thơ mà chỉ bàn đôi chút về thi pháp nên không đi sâu thêm nữa. Còn nói như cô Nguyễn Bích Thủy “*nhất là thơ mới, không theo bất cứ một bó buộc, nguyên tắc gì*” thì đúng là một phát biểu kiểu “*điếc không sợ súng*”. Cô chỉ cần tìm đọc kỹ vài bài thơ mới thì sẽ nhận ra là mình ngây ngô đến cỡ nào.

Nguyễn Bích Thủy:

“người đọc thơ cũng chả ai được học và cần học Thi pháp, thích thì đọc; đọc xong thì bảo hay, khá hay, chưa hay hoặc dở, quá dở, thế thôi!”

Phạm Đức Nhì:

Những người đã lỡ yêu thích thơ, nếu có cơ hội, đều muốn tìm học để nâng cao trình độ hiểu biết, trình độ thưởng thức thơ của mình. Trong những lúc họp mặt bạn bè, đám tiệc, nói chung là trà dư tửu hậu, có nói đến bài thơ tình này, bài thơ thế sự kia thì cũng biết đôi điều góp chuyện. Chứ cứ như cô Nguyễn Bích Thủy “*thích thì đọc; đọc xong thì bảo hay, khá hay, chưa hay hoặc dở, quá dở, thế thôi!*” lỡ người ta hỏi “*Hay ở chỗ nào? Tại sao hay? Dở ở chỗ nào? Tại sao dở?*” lại ngớ mặt ra im lặng thì ngượng chết.

Thường thức thơ có nhiều trình độ. Muốn nâng cao trình độ của mình không gì bằng tìm hiểu thi pháp. Chữ thì hơi cao siêu nhưng nghĩa thì lại đơn giản - chỉ là kỹ thuật thơ hoặc hình thức, vóc dáng của bài thơ.

Tôi nhớ hình như đã viết ở đâu đó:

Có tý hiểu biết về kỹ thuật, các tiêu chí để thẩm định giá trị thi ca, người đọc sẽ không còn ù ù cạc cạc khi đọc, khi nghe hoặc ngâm nga những vần thơ ưa thích mà sẽ tự tin hơn, sáng khoái hơn thả hồn vào dòng thơ. Đọc thơ bằng trí sẽ không thấy được hơi nóng cảm xúc, sẽ không cảm được cái hay trọn vẹn của thơ, không “bắt” được hồn thơ (nếu có). Còn nếu chỉ đọc thơ bằng hồn, không có sự soi sáng của kiến thức thì một là, có khi gặp tuyệt tác thi ca thì lại dè bủ, chê bai, hai là, suốt đời “tự sướng”, sướng mà không biết vì sao mình sướng, miệng ngâm nga những vần thơ “cả đản” mà mắt cứ sáng long lanh, mặt cứ rạng rỡ như đóa hoa xuân. Đó là cái sướng của những kẻ “ngây ngô hưởng thái bình” rất tội nghiệp, rất đáng thương.

Trong quân đội người ta thường nói “*Nhìn quân phục biết tư cách*”. Thi pháp quan trọng đến mức trong thơ, theo tôi, câu tương tự sẽ là: “*Nhìn thi pháp biết đẳng cấp của thi sĩ*”

Nguyễn Bích Thủy:

Vài ý kiến riêng của một người ngoại đạo. Ai thích thì like, ai không thích cứ việc ném đá, tôi ở xa, đá không đến tận nơi.

Phạm Đức Nhì:

Cô Nguyễn Bích Thủy đừng lo. Trong tranh luận văn chương, nếu cứ nhắm vào đối tượng tranh luận mà bàn cãi thì dù đúng hay sai cũng được độc giả hoan nghênh, vì bất cứ cuộc tranh luận văn chương lành mạnh nào cũng đem lợi ích đến cho văn chương, cho độc giả và cho cả đôi bên tranh luận. Miễn là đừng nhắm vào “chủ thể đối luận” mà phang, mà bửa - nghĩa là đừng chơi trò bỏ bóng đá người. Chơi kiểu đó thì dù ở Bỉ hay chui vào hang sâu hố thẳm nào đó ở Thái Bình Dương người ta vẫn ném đá. Và đã ném là trúng đích.

Kết Luận

Qua bài viết ***Vài Ý Kiến Quanh Việc Mở Xé Bài Thơ “Quê Nghèo” Của Đặng Xuân Xuyên*** cô Nguyễn Bích Thủy đã bộc lộ khá rõ một điều. Những gì cô cảm nhận - về mặt tình - rất chính xác và sâu sắc, chứng tỏ cô có một tâm hồn nhạy bén và có nhiều trải nghiệm về mặt tình cảm trong cuộc sống. Nhưng những phát biểu của cô liên quan đến mặt lý - ở đây là sự hiểu biết về thơ - thì lại mắc nhiều sai sót. Chỉ cần có thêm chút ít nội lực ở phần này những “góp ý” của cô không những sẽ được độc giả đặc biệt hoan nghênh mà, đối với thơ, lại còn là những đóng góp rất hữu ích nữa.

Nhà Phê bình Văn học PHẠM ĐỨC NHÌ - Email: nhidpham@gmail.com

TÔI THỰC SỰ RUNG CẢM KHI ĐỌC BÀI THƠ

‘QUÊ NGHÈO’ CỦA ĐẶNG XUÂN XUYẾN

Ta từng biết đến cái nghèo cùng cực vô vọng của người nông dân ở những vùng quê, khoảng những năm 1936 đến 1940, thời còn thực dân Pháp đô hộ: Chị Dậu trong tác phẩm "*Tắt Đèn*" của Ngô Tất Tố, gia cảnh nghèo, túng quẫn, chồng đau ốm, đã phải bán cả đàn chó và núm ruột của mình là đứa con gái bé bỏng ngoan ngoãn hiếu thảo cho vợ chồng lão nghị Quế lấy hai đồng nộp sưu thuế; Lão Hạc trong truyện ngắn của Nam Cao vì mất mùa đau ốm phải bán đi người bạn thân thiết nhất của mình, chú chó có tên là VÀNG. Những hình ảnh ấy tưởng xa xưa lắm rồi vì cách đây đã gần 80 năm, nhưng chao ôi, ở thế kỷ 21 ta lại thấu cảm cái nghèo trong bài thơ QUÊ NGHÈO của Đặng Xuân Xuyên.

Cái nghèo vẫn đang hiện hữu ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, không lạ nhưng ở đây cái nghèo đánh đu, đeo bám người dân ở vùng quê cách Hà Nội có vài chục km. "*Quê tôi nghèo lắm / Vẫn lác đác nhà tranh / Vẫn tiếng thở dài những chiều giáp hạt / Vẫn bát cơm chan mồ hôi mặn chát*". Không còn cảnh cơ hàn như thời của chị Dậu, của Lão Hạc phải bán con bán chó nhưng cái nghèo trong QUÊ NGHÈO khiến ta day dứt đắng chát khi "*Cha cả đời lam lũ / Mẹ một đời chắt chiu*" mà không có nổi thóc gạo (loại lương thực truyền thống của người Việt) nấu cơm ăn, để rồi "*Khoai sắn vẫn len vào giấc ngủ / Tuổi thơ tôi đói ngủ / Thương cánh cò bấu bấu lời ru*". Hình tượng thơ đẹp và buồn khi tuổi thơ biết thương cả cánh cò "*bấu bấu lời ru*". Không phải là những cánh cò sải cánh trên đồng lúa xanh rờn hay là những chú cò giang cánh chụm mỏ rìa lông, mà là cánh cò mệt mỏi buồn bã "*bấu bấu lời ru*".

Ca dao từng có bài ca ngợi cuộc sống đủ đầy của người dân qua những hình ảnh của phiên chợ Thành Nam:

*"Chợ tỉnh Nam vui lắm ai ơi
Quanh năm tứ thời thiên hạ mua bán
Đủ hàng thịt, gạo rau dưa
Đủ loại tôm cá, ốc cua thịt gà
Bao nhiêu vải vóc lụa là
Áo quần khăn mũ bày ra thiếu gì
Hàng quà chẳng thiếu thứ chi
Bún thang, bún chả, kẹo bi, kẹo vừng"*

Còn chợ quê trong **Quê Nghèo** của Đặng Xuân Xuyên được phết phủ bộ mặt buồn thảm điều hiu hẻo uột "*Dăm ba nải chuối / Vài mớ rau tươi / Mẹt sắn mẹt ngô*" / "*Lèo tèo dăm người bán / Lẻ tẻ mấy người mua / Ế bán / Chán mua / Phiên chợ quê xác xơ già cỗi*". Cái nghèo còn tạc sự mốc meo, xấu xí, khẳng khiu vào khuôn mặt, dáng hình, len lỏi vào tâm hồn lũ trẻ và lớp trai làng: "*Lũ trẻ gầy như con cá mắm / Lũ trai mặt mũi mốc meo / Gặm nhấm nỗi đau nghèo khó / Nơm nớp lo đời như chiếu bạc*". Vâng! Cái nghèo đeo đẳng, dai dẳng bám theo, vậy còn gì ở tương lai nhỉ? cuộc đời sẽ như canh bạc mà thôi. Thật tủi phận! "*Thương con cò, con vạc / Mọi cổ chồn chân trên đồng đất quê mình*". Một hình tượng hay về người nông dân bươn trải, lam lũ cực nhọc trên đồng đất quê mình mà nghèo vẫn nghèo.

"*Quê tôi nghèo lắm!*"! Điệp ngữ này được nhắc đi, nhắc lại nhiều lần chính là tiếng than, tiếng kêu nghẹn đắng trong tim tác giả, làm ta thấy rưng rưng buốt giá. "*Chiếc cổng làng dựng lên thật đẹp / Sừng sững bê tông cốt thép / Ngạo Nghễ tượng đài / Ngạo nghệ trần ai*". Suốt độ dài bài thơ là sự nghèo khó của người dân, là phiên chợ quê xơ xác, đối lập với phần cuối là chiếc

cổng làng: "Sừng sững bê tông cốt thép / Ngạo nghễ tượng đài / Ngạo nghễ trần ai". Hình ảnh rất đắt. Thật nghịch cảnh!

Những năm gần đây các tỉnh thành đua nhau xây tượng đài tốn cả ngàn tỷ. Ngay cả tỉnh còn thiếu ăn phải xin trung ương hỗ trợ lương thực và kinh phí vẫn "hăm hở" xây tượng đài. Bởi số tiền khổng lồ ấy là tiền thuế của dân, sẽ có phần trăm chảy vào túi các ngài quan. Không thể không làm phép tính sơ đẳng cấp tiểu học, với đồng lương công chức, sao họ có biệt phủ, xe hơi sang trọng, con cái du học nước ngoài. Ăn chơi tiêu sài khủng. Mới đây truyền thông nước ngoài có đưa tin một sếp bự của Việt Nam là thực khách trong bữa đại tiệc bò dát vàng ở London. Một suất như vậy có giá 850 bảng Anh khoảng 2000usd, chưa kể 15% phí phục vụ và các món ăn kèm. Nhưng đấy là chuyện nhỏ, rất nhỏ so với vụ kit test đang bùng lên trong bối cảnh dịch covid đang hoành hành trên cả nước. Công ty sản xuất kit test Việt Á này thu lợi 4000 tỷ đồng (theo báo Tuổi Trẻ). Người dân đặt câu hỏi phải chăng? một mình công ty Việt Á làm được việc động trời như vậy?. Và 4000 tỷ đồng này chẳng ai khác chính là người dân phải gánh chịu. Trong khi người dân nghèo "Vấn bát cơm chan mồ hôi mặn chát / Khoai sắn vẫn len vào giấc ngủ" hàng đêm.

Bài thơ của tác giả Đặng Xuân Xuyên sáng tác vào năm 2014, cách đây gần 8 năm. Mặc dù vào thời điểm này, mức sống của người dân trong xã hội đã phần nào được nâng lên, được cải thiện, song về cơ bản, vẫn giữ được tính thời sự của nó. Dù cái nghèo có mang bộ mặt khác, hình thái khác, khi những người dân bị lấy đất với giá trị bồi thường rẻ mạt, thậm chí bị cưỡng chiếm, tiếng kêu than ngút trời. Họ bỏ quê lên thành phố đầu tắt mặt tối mưu sinh. Khi dịch covid bùng phát dữ dội mấy chục ngàn người chết. Hàng ngàn người dân ban đầu đã chạy trốn chết khỏi Sài Gòn với phương tiện của mình: xe máy, xe đạp, thậm chí đi bộ vượt hàng trăm km để quay lại quê nhà với cuộc sống đắp đổi qua ngày. Rồi những trẻ em mồ côi cả cha mẹ, những người già không nơi nương tựa, về bản chất, đấy chính là cái nghèo. Tác giả Đặng Xuân Xuyên rất chuẩn xác khi nói đã nghèo: "Nghèo cả giấc mơ". Bởi khi con người phải vật lộn cơ cực với cuộc sống hàng ngày đâu còn dám ước mơ. Bài thơ thật sâu sắc!

TRỊNH THỊ NHÂM

Email: trinhnham52@gmail.com

Kính mời đọc thêm những bài khác của tác giả tại:
<http://www.vietnamvanhien.org/DangXuanXuyen.html>

www.vietnamvanhien.net



VIỆT NAM VĂN HIẾN
www.vietnamvanhien.info

TỦ SÁCH VĂN HIẾN TRÊN MẠNG VỚI HƠN 11700 TÁC PHẨM & TIẾT MỤC